TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PĂH** TỈNH GIA LAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 22/8/2023
"*V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hòa.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thoa;
2. Bà Hoàng Thị Bình.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Thuận - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023 về việc*"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Bà Trương Thị Ngọc Á, sinh năm 1972
Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt
-*Bị đơn*: Ông Lưu Văn T, sinh năm 1969
Địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2023, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc Á trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Ngọc Á và ông Lưu Văn T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1993, đến ngày 08/12/2002 bà với ông T mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vợ chồng bà chung sống đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng làm ăn kinh tế gặp khó khăn nên hay cãi vã, sau đó ông T bỏ đi Bình Dương buôn bán để khắc phục kinh tế nhưng sau đó ông T không chịu quay về đoàn tụ gia đình, ông T không quan tâm đến vợ con, không gửi tiền về cho bà nuôi con, ngoài ra bà còn nghe nói ông T còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đã chung sống như vợ chồng. Từ năm 2018 đến nay bà với ông T sống ly thân. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lưu Văn T.

Về con chung: Bà với ông T có 03 con chung là Lưu Minh N, sinh ngày 18/3/1994, Lưu Thị Ánh T1, sinh ngày 13/6/1997 và Lưu Nhã Q, sinh ngày 11/9/2015. Hiện 02 con lớn là Lưu Minh N và Lưu Thị Ánh T1 đã thành niên, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu phân chia nghĩa vụ nuôi con. Đối với con Lưu Nhã Q chưa thành niên, ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi trực tiếp con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Á không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà Á không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bà Trương Thị Ngọc Á không có yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn là ông Lưu Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông T không đến Tòa án làm việc. Do đó, Tòa án không lấy được ý kiến của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bà Trương Thị Ngọc Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lưu Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tống tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Ngọc Á và ông Lưu Văn T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1993, đến ngày 08/12/2002 bà với ông T mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. Nên hôn nhân giữa bà Á và ông T là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Bà Trương Thị Ngọc Á khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Lưu Văn T, vì bà cho rằng bà với ông T sống không hạnh phúc, vợ chồng bà sống ly thân từ năm 2018 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng ông T không lên Tòa án làm việc và không có ý kiến gửi cho Tòa án cho thấy ông T đã từ bỏ quyền lợi của mình, không muốn hàn gắn tình cảm với bà Á và chính

quyền địa phương cũng xác nhận ông T và bà Á thường xảy ra mâu thuẫn, ông T bỏ nhà đi từ khoảng 03 - 04 năm nay, thỉnh thoảng mới về thăm con. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà Á và ông T đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Á là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh.

Về con chung: Bà Á và ông T có 03 con chung là Lưu Minh N, sinh ngày 18/3/1994, Lưu Thị Ánh T1, sinh ngày 13/6/1997 và Lưu Nhã Q, sinh ngày 11/9/2015. Hiện 02 con lớn là Lưu Minh N và Lưu Thị Ánh T1 đã thành niên, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu phân chia nghĩa vụ nuôi con. Đối với con Lưu Nhã Q chưa thành niên, ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi trực tiếp con chung.

Tại bản tự khai của cháu Lưu Nhã Q trình bày: Trong trường hợp bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét yêu cầu của bà Á và nguyện vọng của cháu Lưu N1 Q thấy rằng: Kể từ khi vợ chồng ông T, bà Á sống ly thân, bà Á là người trực tiếp nuôi dạy con chung, bà Á vẫn đảm bảo cho sự phát triển bình thường về mọi mặt của con. Do đó, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy bà Á có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, nên chấp nhận yêu cầu của bà Á.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Bà Á không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung khác: Bà Á không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà Trương Thị Ngọc Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Ngọc Á được ly hôn với ông Lưu Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Lưu Nhã Q, sinh ngày 11/9/2015 cho bà Trương Thị Ngọc Á trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lưu Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà Trương Thị Ngọc Á.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Bà Trương Thị Ngọc Á phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* bà Á đã nộp tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0007372 ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND h. Chư Păh;
-THADS h. Chư Păh;
-UBND TT Phú Hòa;
-Đương sự;
-Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hòa